

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày: 16 - 7 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, đối với:

- Bị cáo: Bùi Văn T, sinh năm 2000 tại tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Mậu Lâm, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Duẩn và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/11/2023, Bùi Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, ngày 22/4/2024 đã chấp hành xong hình phạt tù; danh bản, chỉ bản số 090 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 25/03/2024; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Lưu Ngọc K, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Lai X, xã Kim C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 912 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Mậu Lâm, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 20, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ năm 2018 nên sáng ngày 01/4/2022, Bùi Văn T gọi điện cho anh Lưu Ngọc K, sinh năm 1999 ở thôn Lai X, xã Kim C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 29X5-414.49 khoảng một tuần để đi lại. Anh Kiên đồng ý và hẹn khoảng 22 giờ cùng ngày đến khu vực khu đô thị Tân Tây Đô, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội để nhận xe. Khi giao xe anh Kiên đưa cả giấy đăng ký, giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô cho Tú. Khoảng 11 giờ ngày 02/4/2022, Tú tự chuyển khoản cho anh Kiên 01 triệu đồng cho rằng đó là tiền để thuê xe của anh Kiên, mặc dù không có thỏa thuận và anh Kiên cũng không yêu cầu. Đến 14 giờ 40 phút ngày 02/4/2022, Tú mang xe mô tô của anh Kiên cùng giấy đăng ký xe đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978 ở số 912 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cầm cố được 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Không thấy Tú trả xe khi đến thời hạn nên anh Kiên gọi điện thoại và yêu cầu Tú mang xe trả nhưng do không có tiền chuộc xe để trả lại nên Tú hẹn anh Kiên một hai hôm nữa sẽ trả. Anh Kiên đồng ý và yêu cầu chậm nhất đến chiều ngày 14/4/2022 thì Tú phải trả xe. Đến ngày 14/4/2022, Tú không trả xe nên anh Kiên gọi điện nhưng Tú không nghe máy và chặn liên hệ. Khoảng 14 giờ ngày 19/4/2022, anh Kiên gặp Tú ở khu vực phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (khi Tú đi cùng với anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1994 ở tổ 20 phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) nên đã yêu cầu Tú đến Công an phường Vĩnh Phúc để làm rõ việc mượn xe mô tô không trả. Tại Cơ quan Công an, Bùi Văn T khai nhận rõ sự việc như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS ngày 23/5/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đan Phượng kết luận: “Xe máy nhãn hiệu Honda màu nâu BKS 29X5-414.49, số khung C100M5107416, số máy: C100ME5107416 trị giá 16.500.000 đồng”.

Bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-ĐP ngày 17 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T khai nhận hành vi của mình như nội dung nêu trên. Bị cáo còn khai sau khi mượn chiếc xe máy của anh Lưu Ngọc K do Tú không tìm

được việc làm và không có tiền chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh việc đem cầm cố chiếc xe để lấy tiền sử dụng.

Bị hại anh Lưu Ngọc K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày sau khi biết Tú phạm tội thì bà đã tự bồi thường cho anh Quỳnh số tiền 9.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tú từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã được trả lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được bồi thường dân sự, không có yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị trả lại bị cáo Bùi Văn T 01 chiếc ví da màu nâu. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của bị hại, vật chứng và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do quen biết nhau nên Bùi Văn T đã hỏi mượn chiếc xe máy của anh Lưu Ngọc K để sử dụng đi lại. Tú hỏi mượn anh Kiên với thời hạn một tuần và được anh Kiên đồng ý. Khoảng 22 giờ ngày 01/4/2022, anh Kiên đã đưa chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu BKS 29X5-414.49, có trị giá 16.500.000 đồng của mình cho Tú mượn. Sau khi mượn được chiếc xe, đến ngày 02/4/2022 do không có tiền sử dụng nên Tú đã mang chiếc xe đi cầm cố lấy số tiền 9.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Khi hết thời hạn anh Kiên yêu cầu Tú mang trả xe nhưng do không có tiền để lấy lại xe nên Tú khất lần, sau đó đã chặn số liên lạc của anh Kiên và bỏ trốn.

Như vậy, bị cáo Bùi Văn T đã có hành vi lợi dụng mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của bị hại, sau khi được bị hại cho mượn xe máy thì bị cáo đã đem cầm cố tài sản đó để lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho bị

hại. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” qui định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn trong bản cáo trạng là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Sau khi phạm tội bị cáo có dấu hiệu trốn tránh, trong thời gian đó bị cáo lại phạm tội Trộm cắp tài sản và ngày 30/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt 07 tháng tù. Do hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo xảy ra trước thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử nên không tính là tiền án hoặc tái phạm đối với bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Hội đồng xét xử cũng xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Ngoài ra, gia đình bị cáo đã tự bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội và trong thời gian đó được tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Theo khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét bị cáo Bùi Văn T là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn Q là người cho bị cáo Bùi Văn T cầm cố chiếc xe máy mà Tú mượn của anh Kiên, quá trình điều tra có căn cứ để xác định khi cho cầm cố chiếc xe thì anh Quỳnh không biết rõ chiếc xe đó là tài sản do Tú phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda màu nâu BKS 29X5-414.49, cùng giấy tờ xe do anh Nguyễn Văn Q tự nguyện giao nộp và đã trao trả cho chủ sở hữu anh Lưu Ngọc K là có căn cứ.

Anh Lưu Ngọc K đã được nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự; số tiền 1.000.000 đồng Bùi Văn T đưa cho anh Lưu Ngọc K, cả Tú và anh Kiên đều không có yêu cầu, đề nghị gì về số tiền này nên không xem xét.

Anh Nguyễn Văn Q được bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ bị cáo Tú) tự nguyện bồi thường số tiền mà Tú đã nhận của anh Quỳnh khi cầm cố chiếc xe máy là 9.500.000 đồng, anh Quỳnh không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nên không phải xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: 01 chiếc ví da màu nâu kích thước (10x20)cm thu giữ của Bùi Văn T, do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị cáo.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được trả lại tài sản bị chiếm đoạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được bồi thường và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Bùi Văn T 01 chiếc ví da màu nâu, kích thước (10x20) cm (Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2024 với Công an huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội).

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại anh Lưu Ngọc K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CQTHAHS huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CQTHAHS huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA